

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/DS-PT
Ngày: 19-3-2024.
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Bình**.

Các Thẩm phán: bà **Phạm Ngọc Giàu**; bà **Trần Thị Kim Sang**.

Thư ký phiên tòa: ông **Thái Công Hậu**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969; địa chỉ: số B, đường T, khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà P: anh Trương Long G, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15-5-2023); có mặt.

2. Bị đơn: chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1982; địa chỉ: số E, đường H, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ hiện nay: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị L: anh Lê Hoài N, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19-6-2023); có mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn chị Lê Thị Kim L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và người đại diện theo ủy quyền của bà P là anh Trương Long G trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 14-12-2022 (âm lịch) bà P có cho chị L vay số tiền 1.000.000.000 đồng để làm ăn, chị L có viết giấy mượn tiền, theo giấy nợ hẹn đến ngày 30-02-2023 âm lịch sẽ trả, mỗi tháng trả 100.000.000 đồng, không lãi suất, nhưng sau đó chị L không trả theo cam kết đề kéo dài, mặc dù bà P đã nhiều lần yêu cầu.

Ngày 11-01-2023 âm lịch, bà P có cho chị L tham gia góp hụi, mỗi tháng đóng cho bà P 20.000.000 đồng và chị L đã đóng được 4 tháng, cụ thể vào các ngày: ngày 21-01-2023 âm lịch, ngày 21-02- 2023 âm lịch, ngày 21-02- 2023 âm lịch (Nhuận), ngày 21-03-2023 âm lịch; tổng cộng là 80.000.000 đồng.

Bà P đồng ý cắt trừ 80.000.000 đồng tiền góp hụi vào khoản vay 1.000.000.000 đồng vào ngày 14-12-2022 âm lịch, số tiền nợ gốc còn lại chị L phải trả cho bà P là 920.000.000 đồng; bà P không yêu cầu tính lãi suất.

Việc chị L cho rằng số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 14-12-2022 âm lịch là bao gồm nhiều khoản vay trước đó và lãi mà chị L còn nợ bà P là không đúng; bởi vì trong giấy không có nội dung thể hiện tiền nợ 1.000.000.000 đồng là tổng của nhiều khoản vay khác cũng như tiền lãi cộng lại. Cho nên, bà P không đồng ý việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn về việc yêu cầu khấu trừ những khoản tiền lãi của những khoản vay đã trả xong trước đó.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Lê Hoài N trình bày:

Giữa chị L và bà P có mối quan hệ làm ăn quen biết nhau qua việc vay tiền. Cụ thể, từ khoảng năm 2021 đến đầu năm 2023 chị L có vay tiền của bà P nhiều lần, khi vay các bên có ghi giấy nợ, lãi suất các bên thỏa thuận là 6%, 7,5% hoặc 9%/tháng và đóng lãi định kỳ 10 ngày/lần nhưng không ghi trong giấy nợ. Đến ngày 05-01-2023 dương lịch chị L và bà P đối chiếu và chốt số tiền nợ gốc còn lại là 1.000.000.000 đồng và lập giấy vay tiền ngày 14-12-2022 âm lịch.

Trong quá trình vay, chị L nhiều lần chuyển khoản nợ gốc và lãi cho bà P thông qua tài khoản ngân hàng của chị Huỳnh Thị Tường V là con của bà P. Số tiền chuyển trả lãi như trên là vượt quá quy định, cụ thể các lần chuyển như sau:

1/ Ngày 25-4-2022, chị L chuyển khoản số tiền 61.000.000 đồng gồm 50.000.000 đồng nợ gốc và 11.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 550.000.000 đồng qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 9.944.000 đồng.

2/ Ngày 07-6-2022, chị L chuyển khoản số tiền 16.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 800.000.000 đồng qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Số tiền trả lãi vượt quy định là 11.555.000 đồng.

3/ Ngày 14-6-2022, chị L đã chuyển khoản số tiền 61.000.000 đồng gồm 50.000.000 đồng nợ gốc và 11.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 550.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền lãi vượt quy định là 7.222.000 đồng.

4/ Ngày 27-6-2022, chị L chuyển khoản 15.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 750.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 10.833.000 đồng.

5/ Ngày 29-6-2022, chị L chuyển khoản số tiền 1.326.000.000 đồng gồm 1.300.000.000 đồng nợ gốc và 26.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 1.300.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 18.777.000 đồng.

6/ Ngày 07-7-2022, chị L chuyển khoản 45.000.000 đồng tiền lãi (trong đó chị L chuyển 15.000.000 đồng và nhờ người bạn chuyển giúp 30.000.000 đồng) của khoản vay 2.250.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 32.500.000 đồng.

7/ Ngày 11-7-2022, chị L chuyển khoản 15.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 750.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 10.833.000 đồng.

8/ Ngày 18-7-2022, chị L chuyển khoản số tiền là 1.530.000.000 đồng gồm 1.500.000.000 đồng nợ gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi qua Ngân hàng N1. Số tiền trả lãi vượt quy định là 21.666.000 đồng.

9/ Ngày 23-7-2022, chị L chuyển khoản 15.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 750.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 10.833.000 đồng.

10/ Ngày 14-9-2022, chị L chuyển khoản 13.800.000 đồng tiền lãi của khoản vay 690.000.000 đồng qua Ngân hàng Á. Số tiền trả lãi vượt quy định là 9.966.000 đồng.

11/ Ngày 17-9-2022, chị L chuyển khoản 6.300.000 đồng tiền lãi của khoản vay 210.000.000 đồng qua Ngân hàng Á. Số tiền trả lãi vượt quy định là 5.133.000 đồng.

12/ Ngày 23-9-2022, chị L chuyển khoản 13.800.000 đồng tiền lãi của khoản vay 690.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 9.966.000 đồng.

13/ Ngày 04-10-2022, chị L chuyển khoản 13.800.000 đồng tiền lãi của khoản vay 690.000.000 đồng qua Ngân hàng Á. Số tiền lãi vượt quy định là 9.966.000 đồng.

14/ Ngày 13-10-2022, chị L chuyển khoản 13.800.000 đồng tiền lãi của khoản vay 690.000.000 đồng qua Ngân hàng Á. Số tiền lãi vượt quy định là 9.966.000 đồng.

15/ Ngày 02-11-2022, chị L chuyển khoản 18.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 600.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 14.666.000 đồng.

16/ Ngày 12-11-2022, chị L chuyển khoản 18.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 600.000.000 đồng qua Ngân hàng Á. Số tiền trả lãi vượt quy định là 14.666.000 đồng.

17/ Ngày 22-11-2022, chị L chuyển khoản 18.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 600.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 14.666.000 đồng.

18/ Ngày 01-12-2022, chị L chuyển khoản 43.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 1.720.000.000 đồng qua Ngân hàng Á. Số tiền trả lãi vượt quy định là 33.444.000 đồng.

19/ Ngày 11-12-2022, chị L chuyển khoản 43.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 1.720.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 33.444.000 đồng.

20/ Ngày 19-12-2022, chị L đã chuyển khoản 20.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 14.444.000 đồng.

21/ Ngày 30-12-2022, chị L chuyển khoản 25.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 19.444.000 đồng.

Đến ngày 11-02-2023 dương lịch (nhằm ngày 21-01-2023 âm lịch) bà P yêu cầu chị L ký tên vào giấy tính tiền hụi và đóng hụi chết hàng tháng là 20.000.000 đồng. Thực tế việc chơi hụi là không có mà ký nhận là để xác định số tiền lãi mỗi tháng chị L phải trả của số tiền 1.000.000.000 đồng.

- Ngày 11-3-2023 chị L chuyển khoản 20.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Á. Số tiền trả lãi vượt quy định là 14.444.000 đồng.

- Ngày 11-4-2023 chị L chuyển khoản 20.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 14.444.000 đồng.

- Ngày 10-5-2023 chị L chuyển khoản 20.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 1.000.000.000 đồng qua Ngân hàng Q. Số tiền trả lãi vượt quy định là 14.444.000 đồng.

Tổng số tiền lãi vượt quy định mà chị L đã chuyển trả cho bà P là 365.277.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị L đồng ý trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” lập ngày 05-01-2023 dương lịch (nhằm ngày 14-12-2022 âm lịch), sau khi khấu trừ số tiền lãi mà chị L đã trả

vượt quy định của pháp luật, cụ thể: 1.000.000.000 đồng - 365.277.000 đồng = 634.723.000 đồng, chị L đồng ý trả số tiền này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, buộc chị Lê Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc 920.000.000 đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi suất.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ - BPKCTT ngày 16-6-2023 về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả; án phí; quyền, nghĩa vụ yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29-9-2023, chị Lê Thị Kim L kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, bởi vì chị L đã trả được một phần tiền nợ gốc và lãi cho bà P.

Ngày 15-2-2024, chị L có đơn khiếu nại yêu cầu huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Kim L; sửa bản án sơ thẩm, tuyên huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị Kim L làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung, quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất xác định: vào ngày 14-12-2022 âm lịch (nhằm ngày 05-01-2023 dương lịch), chị L có ký giấy nợ vay của bà P số tiền 1.000.000.000 đồng; đồng thời, vào ngày 11-01-2023 âm lịch, chị L có tham gia góp 04 tháng hụi cho bà P 20.000.000 đồng/đồng; tổng cộng là 80.000.000 đồng; cần trừ vào 1.000.000.000 đồng, còn lại 920.000.000 đồng. Chị L trình bày 1.000.000.000 đồng là chốt nợ của những khoản vay trước đó và đã chuyển khoản trả lãi cho bà P tổng cộng 365.277.000 đồng nên yêu cầu cần trừ vào số tiền nợ gốc.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Kim L, thấy rằng: các khoản vay trước đó giữa chị L và bà P đã thanh toán xong; chị L có cung cấp lịch sử sao kê thông tin chuyển khoản của các Ngân hàng nhưng không thể hiện nội dung các khoản tiền chị L chuyển trả cụ thể, không cung cấp được chứng cứ xác định mức lãi suất và số tiền lãi suất đã trả như chị L trình bày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 365.277.000 đồng mà chị L nêu không liên quan đến số tiền bà P khởi kiện là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị L phải trả cho bà P số tiền nợ 920.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Chị L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới. Cho nên, kháng cáo của chị L không được chấp nhận.

[5] Ngoài ra, sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, ngày 15 tháng 01 năm 2024 và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Lê Thị Kim L và người đại diện theo ủy quyền của chị L có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKC ngày 16-6-2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đối với phần đất diện tích 200 m², thuộc thửa số 246, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Xét thấy, diện tích đất nêu trên đã được chị L thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á - Chi nhánh T, Phòng G1 và có đăng ký thế chấp cùng ngày 25-5-2023; trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; hiện vẫn còn thế chấp theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 21-02-2024. Cho nên, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Á vì thuộc những trường hợp không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự và không đúng theo điểm d khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, cần phải hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm trong vụ án này. Chị P sẽ được nhận lại 200.000.000 đồng tiền bảo đảm đã gửi vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh T; theo quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[6] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Đồng thời, sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[7] Về án phí phúc thẩm: chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[8] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Kim L.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với chị Lê Thị Kim L, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Lê Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc 920.000.000 đồng (chín trăm, hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Lê Thị Kim L phải chịu 39.600.000 (ba mươi chín triệu, sáu trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà P số tiền 21.000.000 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo Biên lai thu số 0002087 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0002494 ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh. Ghi nhận chị L đã nộp xong.

4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKC ngày 16-6-2023, của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị hủy bỏ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh TN;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình